

NHẬN ĐỊNH CỦA CỤU HỌC VIÊN VỀ MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH Y

NGUYỄN THANH HÀ, BÙI THỊ TÚ QUYÊN,
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ, LÊ CỰ LINH
Trường ĐH Y tế công cộng

TÓM TẮT

Bài báo này được trích từ kết quả của một nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đào tạo sau đại học tại 07 trường Đại học Y Dược ở Việt Nam, với mục tiêu "Đánh giá năng lực đào tạo sau đại học chuyên ngành y của các trường thông qua nhận định của cựu học viên". Nghiên cứu sử dụng phương pháp phiếu phát vấn tự điền gửi tới cựu học viên chương trình CK1, CKII và thạc sĩ chuyên ngành nội, ngoại, cận lâm sàng và YTCC đã tốt nghiệp trong khoảng từ 2007-2009. Kết quả cho thấy, từ 85 đến 98% cựu học viên đánh giá chương trình đào tạo phù hợp công việc của họ, tỷ lệ được đánh giá cao nhất ở trường ĐH Y Dược Thái Nguyên (92%) và thấp nhất ở trường ĐH Y Dược Huế (79,6%). Tuy nhiên, cơ sở vật chất phục vụ thực hành và bệnh viện ở các cơ sở đào tạo nhìn chung còn hạn chế. Khuyến nghị các Trường nên thống nhất về chương trình khung và tăng cường cơ sở vật chất thực hành/thực địa.

Từ khóa: cựu sinh viên, chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành y.

SUMMARY

This article has been extracted from a research on evaluating the capacity of medical graduate training programs in seven Pharmaceutical and Medical Universities in Vietnam, with the aim is that getting the opinion of alumni about capacity of medical postgraduate training program. The self administrative questionnaire was sent to alumni who graduated the CK1, CKII and master level on internal, surgical, paraclinical and public health professional within 2007-2009. The results reveal that 85-98 % of alumni recognised that the training program was suitable with their existing works, in which the highest percentage was in Thainguyen Pharmaceutical and Medical University and lowest one was in Hue Pharmaceutical and Medical University. Recommendation are that the training program should be unified at all universities and the quality of the practice and field site should be improved by the universities.

Keywords: Alumni, Medical graduate training program.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân lực y tế được coi là một thành phần rất quan trọng của hệ thống y tế, nguồn nhân lực y tế có chất lượng cao không những giúp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế mà còn tăng cường công bằng trong chăm sóc sức khỏe và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực. Hiện tại, cả nước có 21 trường/khoa đại học Y, Dược công lập (17 trường thuộc dân sự, 1 trường thuộc quân đội) và 3

trường/khoa y đại học tư thục với hơn 100 mã ngành đào tạo khác nhau, với khoảng 3.200 cán bộ y tế có trình độ sau đại học được đào tạo mỗi năm.

Tuy đã có những nghiên cứu liên quan đến đội ngũ nhân lực y tế nhưng cho đến thời điểm này chưa có nghiên cứu một nghiên cứu nào đánh giá một cách cụ thể những vấn đề liên quan đến năng lực và chất lượng đào tạo sau đại học chuyên ngành y của các cơ sở đào tạo, mà chỉ có những báo cáo mang tính chất tham khảo trong các hội nghị của ngành. Chính vì vậy, Trường ĐH Y tế công cộng đã thực hiện nghiên cứu "Đánh giá nhu cầu, thực trạng đào tạo và sử dụng cán bộ y tế trình độ sau đại học giai đoạn 2005-2009" tại một số trường ĐH Y Dược trên cả nước. Bài báo này được trích từ nghiên cứu nói trên với mục tiêu: "Đánh giá năng lực của cơ sở đào tạo thông qua nhận định của cựu học viên đã tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo sau đại học của trường".

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm cựu học viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo sau đại học trong giai đoạn 2007-2009 của 07 trường Đại học Y Dược/Đại học Y tế công cộng ở Việt Nam.

2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại 7 trường Đại học Y dược, Đại học Y tế công cộng trong cả nước, bao gồm: ĐH Y dược TP Hồ Chí Minh, ĐH Y dược Huế, ĐH Y dược Thái Nguyên, ĐH Y Dược Cần Thơ, Khoa Y Đại học Tây Nguyên và sở Y tế Đắk Lắk, Đại học Y Hà Nội và Đại học Y tế Công cộng.

Thời gian thu thập số liệu từ tháng 12/ 2009 đến tháng 6/2011

3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập số liệu của cựu học viên sau đại học thông qua bộ phiếu tự điền.

4. Mẫu nghiên cứu

Chọn trường Đại học Y Dược có chủ đích: các trường đại học Y dược được chọn đại diện cho các vùng miền khác nhau trong cả nước (Miền Bắc, miền Trung, miền Nam và Tây Nguyên) và là những trường đã có thời gian đào tạo sau đại học tương đối lâu và có sự đa dạng trong các chuyên ngành và trình độ đào tạo sau đại học.

Tại mỗi trường được chọn, lấy cựu học viên sau đại học được chọn theo các nhóm chuyên ngành: Nội, Ngoại, Y học dự phòng và Cận lâm sàng và theo các trình độ sau đại học từ Bác sĩ nội trú cho đến Tiến sĩ đã tốt nghiệp trong giai đoạn 2007-2009.

5. Phương pháp thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu là phiếu phát vấn tự điền

khuyết danh được xây dựng dựa trên mục tiêu nghiên cứu, bao gồm những thông tin sau:

- Nhóm thông tin cơ bản
- Công việc trước và sau khi học sau đại học của cựu học viên
- Lý do theo học sau đại học
- Thông tin về chuyên môn, hoạt động khoa học sau tốt nghiệp
- Đánh giá chung về các hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo

Nhóm nghiên cứu thu thập danh sách cựu học viên sau đại học của các trường (07 trường) với các thông tin: họ tên, trình độ, chuyên ngành đào tạo, năm tốt nghiệp, cơ quan công tác, số điện thoại. Sau đó nhóm chọn ngẫu nhiên các cựu học viên từ danh sách của các trường cung cấp và gửi mẫu phiếu tự điền theo đường thư tín đến địa chỉ của từng cựu học viên, kèm theo thư giới thiệu của cơ sở đào tạo kèm một phong bì ghi sẵn địa chỉ nhận thư và tem dán sẵn.

Phiếu chỉ được gửi đến những cựu học viên có địa chỉ rõ ràng (địa chỉ cơ quan hoặc địa chỉ cư trú) dựa trên hồ sơ, danh sách còn lưu giữ tại các trường. Tổng số phiếu gửi đi là 1510 phiếu. Số phiếu thu về là 290 phiếu. Nhóm nghiên cứu đã gặp một số khó khăn trong việc gửi phiếu cho học viên, cụ thể, các trường chỉ quản lý được địa chỉ, cơ quan công tác của học viên khi trúng tuyển và sau khi học viên tốt nghiệp, trường cũng không cập nhật được địa chỉ liên lạc của các học viên này. Thêm vào đó, có một tỷ lệ học viên đã thay đổi cơ quan công tác sau khi tốt nghiệp nên phiếu gửi đi đã không đến tay học viên. Nhóm đã không gửi phiếu cho cựu học viên là tiến sĩ và bác sĩ nội trú vì: 1) Với bác sĩ nội trú không có được địa chỉ công tác/ cư trú của học viên (do khi tuyển sinh, học viên chưa có nơi công tác và sau khi tốt nghiệp trường cũng không cập nhật được địa chỉ liên lạc của học viên). 2) Với tiến sĩ: Các trường không cung cấp được danh sách, địa chỉ liên lạc đối với đối tượng này (ĐH Y Hà Nội, ĐH Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh). Vì vậy các đối tượng được nghiên cứu thực tế đã gửi và nhận được là phiếu của các nhóm cựu sinh viên chuyên khoa 1, chuyên khoa 2 và thạc sĩ.

Phiếu cựu học viên gửi lại cho nhóm nghiên cứu là phiếu khuyết danh để đảm bảo học viên được nêu khách quan những nhận định của họ về năng lực của cơ sở đào tạo.

6. Phân tích số liệu

Số liệu được nhập bằng Epidata và quản lý, phân tích bằng SPSS. Các phân tích mô tả được sử dụng để có kết quả theo mục tiêu nghiên cứu.

KẾT QUẢ

1. Chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Y của các trường

Qua khảo sát, hầu hết tất cả các trường tham gia nghiên cứu đều có các chương trình đào tạo sau đại học. Đối với chương trình CKI và thạc sĩ, trường ĐH Y Hà Nội và Trường ĐH Y TP HCM là nơi có số chuyên ngành đào tạo nhiều nhất, lần lượt là 29 và

28 chuyên ngành, sau đó là ĐH Y Dược Cần Thơ và ĐH Thái Nguyên với 10 và 12 chương trình khác nhau. Trường ĐH Tây Nguyên và ĐH YTCC chỉ có 1-2 chuyên ngành đào tạo CKI và Thạc sĩ.

Đối với chương trình đào tạo chuyên khoa II, ĐH YD TP.HCM có tất cả 63 chuyên ngành khác nhau, sau đó đến trường ĐH Y Hà Nội với 58 chuyên ngành đào tạo, cuối cùng là ĐH Y Huế (7 chuyên ngành) và trường ĐH Cần Thơ (5 chuyên ngành), ĐH Tây Nguyên và ĐH YTCC không có chương trình đào tạo CKII.

Chương trình tiến sĩ đều có ở các trường, trừ trường ĐH Tây Nguyên. Số lượng các chuyên ngành của chương trình tiến sĩ cũng có số lượng gần giống như chương trình CKII. Chương trình nội trú có ở 4 trường: ĐH YD TP.HCM; ĐH Y Huế; ĐH Thái Nguyên và ĐH Y Hà Nội, số lượng các chuyên ngành cũng gần tương đương với chương trình Thạc sĩ ở các trường này (xem bảng 1)

Bảng 1. Số lượng các chuyên ngành đào tạo theo trường

Trình độ đào tạo	ĐH YD TP HCM	ĐH YD Cần Thơ	ĐH YD Huế	ĐH YD Thái Nguyên	Khoa Y ĐHTN	ĐH YHN	ĐH YTCC
CK1	28	10	17	12	2	29	1
Thạc sĩ	28	10	7	4	0	29	2
CKII	63	5	25	4	0	58	0
Tiến sĩ	63	5	7	2	0	65	1
Nội trú	27	0	8	2	0	22	0

2. Nhận định của cựu học viên về chương trình đào tạo

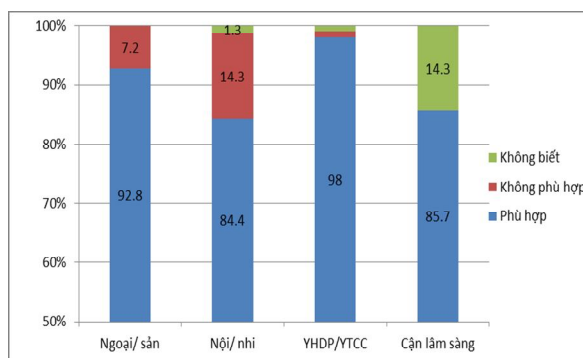
Phản hồi của cựu học viên đã tốt nghiệp tại các trường là một trong những nhận định khách quan để đánh giá năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo. Học viên đã được hỏi ý kiến nhận định về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Chi tiết được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 2. Nhận định chung về cấu trúc chương trình và thời gian đào tạo theo trình độ đào tạo

Nội dung	Chuyên khoa 1	Chuyên khoa 2	Thạc sĩ
Chương trình, nội dung thiết kế sát với công việc	89,1	86,1	83,7
Khối lượng môn học phù hợp	86,0	84,4	80,3
Cấu trúc môn học cân đối	84,1	82,5	75,5
Giảng lý thuyết hợp lý	83,6	85,7	85,7
Chương trình đào tạo cập nhật	86,6	87,5	82,6
Thời gian đào tạo vừa phải	94,6	88,9	91,6

Nhìn chung, nhận định của cựu học viên các trình độ khác nhau về chương trình đào tạo tương đối khả quan, trong đó ở hầu hết các tiêu chí đánh giá về chương trình đều cho thấy, nhận định của cựu học viên CK1 về chương trình đào tạo CK1 cho tỷ lệ hài lòng cao hơn cả. Có 89,1% học viên CK1, 86,1% CK2 và chỉ có 83,7% học viên cao học đã cho rằng chương trình nội dung thiết kế sát với công việc. Về khối lượng môn học và cấu trúc môn học cân đối, tỷ

lệ nhận định tốt về 2 yếu tố này vẫn cao hơn ở nhóm CK1 và CK2 so với nhóm thạc sĩ (dao động từ 82-86%), trong đó đáng lưu ý chỉ có 75,5% cựu học viên trình độ thạc sĩ cho rằng cấu trúc các môn học trong chương trình đào tạo là hợp lý. Có 86,6%; 87,5% và 82,6% học viên lần lượt thuộc các chương trình CK1, CK2 và thạc sĩ cho rằng chương trình họ đã theo học là cập nhật. Tiêu chí về độ dài thời gian của chương trình đào tạo phù hợp đã được đánh giá tốt nhất (tỷ lệ đều trên 90% ở cả 3 đối tượng CK1, CK2 và thạc sĩ). Nhận xét về tiêu chí giảng dạy lý thuyết hợp lý chiếm tỷ lệ là 85,7% cựu học viên CK2 và thạc sĩ và 83,7% học viên CK1.



Biểu đồ 1. Sự phù hợp của công việc với chương trình học ĐDH theo chuyên ngành

Sự phù hợp của chương trình đào tạo sau đại học với công việc của cựu học viên trực tiếp phản ánh tính phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu thực tế của ngành. Tỷ lệ các cựu học viên sau đại học đánh giá chương trình đào tạo ĐDH ở các trường phù hợp với công việc của họ là tương đối cao, đặc biệt với chuyên ngành Y học dự phòng/ Y tế công cộng (98%), sau đó là chuyên ngành ngoại/sản (92,8%) và thấp nhất là chương trình nội/nhi (84,4%). Đáng chú ý là 14,3% học viên thuộc các chuyên ngành cận lâm sàng trả lời “không biết” chương trình có phù hợp với công việc của họ hay không.

Bảng 3. Nhận định về đội ngũ giảng viên theo trường đào tạo

Nội dung	ĐHYD\TN	ĐHY HN	ĐHYD Huế	Khoa Y Tây Nguyên	ĐHYD TPHCM	ĐHYD Cần Thơ	ĐHYTCC
Giảng viên có năng lực chuyên môn tốt	96,0	94,8	92,4	92,8	96,8	93,8	80,0
GV hướng dẫn thực hành hợp lý	88,0	84,6	79,5	78,6	64,5	66,7	71,1
Cán bộ quản lý đào tạo có năng lực	92,0	88,5	86,5	71,4	74,2	68,8	84,4

Tỷ lệ cựu học viên đánh giá giảng viên có năng lực chuyên môn tốt ở các trường tương đối cao, hầu hết đạt trên 92%. Duy chỉ có ĐHYTCC chỉ đạt 80%. Với các giảng viên hướng dẫn thực hành, được cựu học viên đánh giá là hợp lý có tỷ lệ cao nhất ở ĐHYD Thái Nguyên (88%) tiếp đến là ĐHY Hà Nội (84,6%); Trường có tỷ lệ thấp nhất là ĐHYD TPHCM chỉ đạt 64,5%. Về năng lực của cán bộ quản lý đào tạo cũng được cựu học viên đánh giá tương đối tốt, tỷ lệ này ở ĐHYD Thái Nguyên đạt 92%, thấp nhất là ĐHYD Cần Thơ (68,8%).

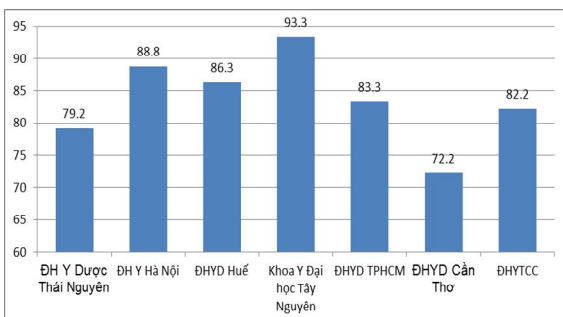
Bảng 4. Nhận định về cơ sở vật chất đào tạo theo trường

Nội dung	ĐHYDTN	ĐHY HN	ĐHYD Huế	Khoa Y Tây Nguyên	ĐHYD TPHCM	ĐHYD Cần Thơ	ĐHYTCC
Điều kiện thực hành tại phòng thí nghiệm tốt	45,0	76,1	52,6	75,0	45,5	43,8	44,7
Phòng thí nghiệm đủ trang thiết bị, máy móc	68,8	71,4	51,7	58,3	57,1	63,6	57,1
Cơ sở thực hành bệnh viện tốt	76,2	91,8	69,0	100,0	64,3	55,6	54,2

Với điều kiện thực hành tại phòng thí nghiệm, khi xem xét theo trường cho thấy ĐHY Hà Nội và Khoa Y Đại học Tây Nguyên là hai trường có tỷ lệ cựu học viên đánh giá là điều kiện tốt cao nhất, với tỷ lệ lần lượt là 76,1% và 75%. Tỷ lệ này ở Huế khoảng 53%. Các trường khác có tỷ lệ tương đối thấp, chỉ trên 40%.

Về cơ sở thực hành, tỷ lệ cựu học viên của ĐHYHN và Khoa Y Tây Nguyên đánh giá trường có cơ sở thực hành tốt ở mức độ rất cao (lần lượt là 91,8% và 100%); các trường khác chỉ đạt từ khoảng 55%-75%.

Tuy nhiên, việc đánh giá cơ sở vật chất phục vụ đào tạo này chỉ là tương đối, do đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, đặc biệt là các chuyên ngành liên quan đến lâm sàng và cận lâm sàng có những yêu cầu khác so với chuyên ngành y tế công cộng.



Biểu đồ 2. Đánh giá của cựu học viên trong việc hỗ trợ của các bệnh viện/ thực địa theo trường đào tạo

Nhìn chung các bệnh viện/ thực địa có sự hỗ trợ tương đối tốt trong quá trình học viên đi thực hành/ thực địa. Tỷ lệ cựu học viên cho rằng các bệnh viện/ thực địa có sự hỗ trợ tốt là ở Khoa Y đại học Tây nguyên (93,3%); thấp nhất là ở ĐHYD Cần thơ, chỉ là 72,2%, tiếp theo là ĐHYD Thái Nguyên (79,2%); Các trường còn lại đều có tỷ lệ trên 80%.

BÀN LUẬN

Với tình trạng khó khăn khi thu thập thông tin về cựu sinh viên để trưng cầu ý kiến, bộ phận quản lý cựu sinh viên của các trường nhìn chung đều chưa hoạt động như mong muốn. Tỷ lệ phiếu gửi lại chỉ đạt 19,2%. Nhìn chung, việc khó tiếp cận thông tin về địa chỉ làm việc hiện tại cũng như các thông tin liên hệ cơ bản của cựu sinh viên (điện thoại, thư điện tử, địa chỉ thư tín) cho thấy hầu hết các trường chưa có sự quan tâm quản lý và cập nhật thông tin của những sinh viên đã tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo của trường.

Nhận định chung của cựu học viên thuộc các trình độ khác nhau về chương trình đào tạo tương đối khả quan, trong đó ở hầu hết các tiêu chí đánh giá về chương trình đều cho thấy, nhận định của cựu học viên CK1 về chương trình đào tạo CK1 cho tỷ lệ hài lòng cao hơn cả. Đã có 89,1% học viên CK1, 86,1% CK2 và 83,7% cựu học viên cao học nhận định rằng chương trình nội dung thiết kế sát với công việc. Về khối lượng môn học và cấu trúc môn học cân đối, tỷ lệ nhận định tốt về 2 yếu tố này vẫn cao hơn ở nhóm CK1 và CK2 so với nhóm thạc sĩ (dao động từ 82-86%).

Tỷ lệ các cựu học viên sau đại học đánh giá chương trình đào tạo SĐH ở các trường phù hợp với công việc của họ là tương đối cao, đặc biệt với chuyên ngành Y học dự phòng/ Y tế công cộng (98%). Tỷ lệ này ngoài việc đánh giá được sự phù hợp chương trình đào tạo với nhu cầu thực tế còn gián tiếp đánh giá được sự phù hợp trong các chính sách cử cán bộ đi học cũng như phân công công tác cho cán bộ có trình độ SĐH của các sở y tế. Thể hiện ở việc, sau tốt nghiệp học viên chuyên ngành YHDP và YTCC được đảm nhiệm những vị trí phù hợp với những gì họ đã được trải nghiệm trong quá trình học sau đại học

Đáng lưu ý là với chuyên ngành cận lâm sàng, có đến 14,3% không biết chương trình sau đại học đã được học có phù hợp với công việc của mình hay không. Một trong những lý do dẫn đến nhận định này là trong quá trình thực hành tại trường họ được tiếp cận với trang thiết bị máy móc tương đối hiện đại, trong khi sau khi tốt nghiệp họ phải làm việc ở những cơ sở y tế mà trang thiết bị, máy móc dùng cho cận lâm sàng còn nghèo nàn, lạc hậu... dẫn đến CB sau đại học chưa phát huy được những kiến thức, kỹ năng vào công việc (mặc dù tiêu chí đánh giá về cơ sở vật chất/trang thiết bị thực hành trong quá trình học có tỷ lệ hài lòng thấp nhất trong các tiêu chí đánh giá về cơ sở đào tạo).

KHUYẾN NGHỊ

1. Với các cơ sở đào tạo

- Các trường nên phối hợp với nhau tốt hơn trong một mạng lưới đào tạo chuyên ngành (từ y học lâm sàng, tới cận lâm sàng, y tế công cộng, v.v.) để có thể tận dụng được thế mạnh của nhau, chia sẻ và tiến tới thống nhất chuẩn đầu ra, chuẩn về kiến thức, kỹ năng, khả năng cho từng loại hình đào tạo, nhằm đạt được chất lượng cao hơn.

- Các trường nên rà soát lại các cơ sở thực hành, thực tập bệnh viện để nhằm đáp ứng tốt hơn chương trình đào tạo. Việc này cần có sự phối hợp tốt hơn với các bệnh viện tại từng địa phương.

- Các trường nên chú ý xây dựng hệ thống theo dõi và quản lý dữ liệu về cựu sinh viên, để kết nối mạng lưới các nguồn lực này trong tương lai. Việc này sẽ giúp các trường thống kê, đánh giá chất lượng đào tạo của mình tốt hơn.

2. Với Bộ Y tế

- Tạo ra cơ chế quản lý giám sát việc xây dựng các chuẩn đầu ra, đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường, cũng như khuyến khích sự hợp tác, chia sẻ nguồn lực ở từng trường trong hệ thống. Bộ Y tế chủ trì việc đốc thúc các trường phối hợp để đi đến thống nhất các qui chuẩn trong đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, *Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2009: Nhân lực Y tế ở Việt Nam*. 2009.
2. Lê Cự Linh và cs, *Đánh giá chương trình đào tạo thông qua nghiên cứu cựu học viên Y tế công cộng*. 2006, Trường Đại học Y tế công cộng.
3. Nguyễn Thúy Quỳnh Loan; Nguyễn Thị Thanh Thoàn, *Đánh giá chất lượng đào tạo từ góc độ cựu sinh viên n của Trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh*.
Internet:
<http://www.oaq.hcmut.edu.vn/ftailieu/DGCL-CuuSV-full.doc> (truy cập ngày 14/04/2006), 2006.
4. Brian Senewiratne; M.Kanagarajah, *Postgraduate and continuing medical education in a developing country?* British Medical Journal, 1975. 3: p. 213-216.